

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC ĐỘ ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ NGHỀ CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH SƠN LA

TS. LÒ MAI THOAN*

Ngày nhận bài: 01/03/2016; ngày sửa chữa: 09/03/2016; ngày duyệt đăng: 11/03/2016.

Abstract: The article points out that career choices of students in Son La province are affected by objective and subjective factors. These factors consist of the objective influence (teachers' and families' opinions, friend's choices, public opinions, economic changes, media information and earnings...) and subjective influence (health, education level). The influence of these factors is different and sometimes the objective factors are stronger, so vocational guidance in schools must be taken into more consideration to help students have right decisions in choosing the future career.

Keywords: Professional orientation of values, vocational education, high school students.

Định hướng giá trị nghề (ĐHGTVN) của học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT) tỉnh Sơn La là kết quả quá trình giáo dục xã hội, đặc biệt là giáo dục hướng nghiệp (GDHN) của nhà trường và tự giáo dục một cách tích cực, chủ động của mỗi HS; là phương hướng để hướng tới việc đánh giá, lựa chọn các giá trị nghề có ý nghĩa, vị trí và lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội, làm cơ sở cho việc cân nhắc, lựa chọn một nghề cụ thể cho mình. HS nhận thức được các giá trị nghề đó thông qua các hành động cụ thể, từ đó nảy sinh những thái độ tích cực cân nhắc, lựa chọn một nghề cụ thể cho bản thân thông qua sự hiểu biết về giá trị nghề. Các giá trị nghề mà HS lựa chọn thỏa mãn được yêu cầu của bản thân, gia đình và xã hội, qua đó góp phần vào sự tồn tại của chính mình và xã hội, địa phương trong những điều kiện cụ thể.

Những yếu tố ảnh hưởng đến ĐHGTVN của HS THPT tỉnh Sơn La bao gồm yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan. Khảo sát sự ảnh hưởng của các yếu tố này đến mức độ ĐHGTVN của HS được tiến hành vào tháng 12/2014 đến tháng 3/2015 trên địa bàn 12 trường THPT (Tô Hiệu, Chiềng Sinh, Mai Sơn, Thuận Châu, Mộc Lị, Thào Nguyên, Phù Yên, Gia Phù, Bắc Yên, Mường La, Sông Mã, Sốp Cộp) ở tỉnh Sơn La.

1. Các yếu tố khách quan

1.1. Yếu tố hoạt động GDHN ở trường THPT:

Có 20 nội dung mà nhà trường phải thực hiện trong GDHN cho HS được chúng tôi khái quát lại thành 7 nội dung cơ bản (bảng 1) nói lên hoạt động GDHN ở các trường THPT tỉnh Sơn La.

Bảng 1. Thực trạng hoạt động GDHN ở các trường THPT tỉnh Sơn La

STT	Hoạt động GDHN của nhà trường	Giá trị TB (\bar{X})	Độ lệch chuẩn (ĐLC)	Thứ bậc
1	Thường xuyên cung cấp cho HS thông tin về nghề	2,67	0,42	3
2	Giúp HS biết và hiểu được các giá trị nghề	1,61	0,58	6
3	Giúp HS tìm hiểu bản thân trong định hướng nghề	2,64	0,32	4
4	Tạo điều kiện cho HS tìm hiểu thực tiễn lao động nghề	2,44	0,24	5
5	Tổ chức dạy học và sinh hoạt môn hướng nghiệp trong chương trình dạy học	3,12	0,47	1
6	Xây dựng cơ sở vật chất và bồi dưỡng giáo viên phục vụ hoạt động hướng nghiệp của nhà trường	2,73	0,46	2
7	Tư vấn hướng nghiệp	1,25	0,43	7
Chung		2,20	0,41	

Bảng 1 cho thấy, hoạt động GDHN ở mức trung bình ($\bar{X}=2,20$, ĐLC=0,41), trong đó nhà trường tổ chức dạy học và sinh hoạt môn hướng nghiệp trong chương trình dạy học được đánh giá ở mức cao nhất, còn tất cả các hoạt động khác đều được HS đánh giá ở mức trung bình. Thực chất, tổ chức dạy học và sinh hoạt hướng nghiệp trong chương trình dạy học là chương trình bắt buộc, quy định bởi Bộ GD-ĐT. Ngược lại với hoạt động này là công tác tư vấn hướng

* Trường Cao đẳng Sơn La

ngiệp cho HS hoàn toàn chưa được các nhà trường trong tỉnh thực hiện (bậc thứ 7). Kết quả này cũng được phản ánh thống nhất khi phỏng vấn HS về GDHN trong nhà trường THPT.

Nguyên nhân dẫn đến ĐHGTTN chưa như mong muốn ở HS THPT tỉnh Sơn La là GDHN chưa thật đầy đủ, nhà trường thiếu giáo viên được đào tạo chuyên về hướng nghiệp, thiếu tư vấn hướng nghiệp, thiếu cơ sở vật chất để tiến hành hoạt động GDHN, thiếu sự hỗ trợ của địa phương và các tổ chức xã hội trong việc hướng nghiệp; mặt khác, chưa khơi dậy ở HS hứng thú tìm hiểu, khám phá nghề, nhu cầu hướng nghiệp. Đáng lưu ý là giáo viên chưa coi trọng hoặc thiếu khả năng tổ chức các hoạt động GDHN.

1.2. Các yếu tố khách quan khác ảnh hưởng ĐHGTTN của HS (bảng 2)

Bảng 2. Các yếu tố khách quan khác ảnh hưởng đến ĐHGTTN của HS

STT	Các yếu tố	Số lượng	%	Giá trị TB (\bar{x})	ĐL C	Thứ bậc
1	Lời khuyên của bạn bè	105	15,6	1,97	0,28	3
2	Ý kiến của thầy cô giáo	111	16,5	2,04	0,32	2
3	Ý kiến của người thân trong gia đình	120	17,9	2,17	0,44	1
4	Dư luận xã hội tự phát về nghề	94	14,0	1,75	0,32	5
5	Phương tiện truyền thông đại chúng	101	15,0	1,78	0,48	4
6	Điều kiện biến đổi KT-XH	68	10,1	1,67	0,37	7
7	Yếu tố đãi ngộ nhà nước (cử tuyển, học theo hợp đồng...)	73	10,9	1,69	0,45	6
	Chung	669	100	1,86	0,34	

Bảng 2 cho thấy, ảnh hưởng của một số yếu tố khách quan khác tới hoạt động ĐHGTTN của HS ở mức thấp ($\bar{x} = 1,86$; ĐLC = 0,34). Trong 7 yếu tố khách quan ảnh hưởng đến ĐHGTTN của HS thì ý kiến của người thân trong gia đình có ảnh hưởng nhất (17,9%), tuy vậy, sự ảnh hưởng này cũng chỉ ở mức trung bình yếu ($\bar{x} = 2,17$, ĐLC = 0,44). Bên cạnh đó, chỉ có 16,5% HS lựa chọn ý kiến thầy cô giáo như là yếu tố ảnh hưởng đến việc ĐHGTTN của các em và yếu tố này có mức độ ảnh hưởng rất thấp ($\bar{x} = 2,04$, ĐLC = 0,32) - đây là điều thật đáng tiếc, vì lẽ ra thầy cô giáo phải là những nhân tố tích cực trong việc ĐHGTTN của các em. Ngoài ra, bạn bè cũng có ảnh hưởng đáng kể đến ĐHGTTN của HS (15,6%).

Với các phương tiện thông tin đại chúng - nơi cung cấp nhiều thông tin đáng tin cậy cho mọi người thì cũng chỉ xoay quanh việc tư vấn về tuyển sinh, chưa được tổ chức thành các chuyên đề, chuyên mục mang tính giáo khoa về vấn đề này. Việc hướng nghiệp cho HS phổ thông không được quan tâm đúng mức đã phần nào làm ảnh hưởng sâu sắc đến chất lượng dạy và học trong các trường đại học. Nhiều sinh viên đã lãng phí thời gian và tiền của trong suốt 3-4 năm theo đuổi ngành học ngoài ý muốn,... Các yếu tố khác như dư luận xã hội tự phát về nghề, sự đãi ngộ của nhà nước đối với HS, điều kiện biến đổi KT-XH cũng có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động ĐHGTTN của HS nhưng ở mức độ thấp.

2. Các yếu tố chủ quan

2.1. Động cơ chọn nghề của HS. Một trong những điều kiện để HS có sự lựa chọn nghề phù hợp chính là việc tự đánh giá đúng bản thân đối với nghề và từ đó sẽ có những hoạt động cần thiết hướng vào nghề mình lựa chọn. Để nghiên cứu động cơ chọn nghề của HS ảnh hưởng như thế nào đối với ĐHGTTN, chúng tôi đã thu thập ý kiến của HS về tầm quan trọng của các nghề để biết được dự kiến của các em chọn nghề nào, từ đó tìm hiểu xem HS chọn những nghề trên là vì lí do gì. Kết quả khảo sát ảnh hưởng của yếu tố động cơ chọn nghề của HS thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Động cơ chọn nghề của HS

STT	Động cơ chọn nghề của HS	Giá trị TB (\bar{x})	ĐLC	Thứ bậc
1	Tham khảo điểm chuẩn của các trường trong những năm gần đây	2,10	0,23	3
2	Tham khảo ý kiến của người có kinh nghiệm	2,34	0,41	2
3	Hiểu được ý nghĩa xã hội của nghề	1,30	0,35	6
4	Quan tâm đến tính khả thi khi đi xin việc	2,67	0,42	1
5	Hiểu được các giá trị của nghề	1,53	0,38	5
6	Yêu thích nghề	1,89	0,47	4
	Chung	1,97	0,35	

(Ghi chú: Các yếu tố 1, 3, 4 được mã điểm ngược lại khi xử lí số liệu)

Bảng 3 cho thấy, động cơ chọn nghề của HS còn ở mức thấp ($\bar{x} = 1,97$, ĐLC = 0,35), trong đó hiểu được ý nghĩa xã hội của nghề, hiểu được các giá trị của nghề, yêu thích nghề chưa thực sự là động lực thúc đẩy HS lựa chọn nghề (thứ bậc 4, 5 và 6). Ngược lại, nhiều HS chọn nghề là do những tác động khách quan tạo ra sự lựa chọn nghề mang tính thụ động, đó là việc HS quan tâm tham khảo

điểm chuẩn vào các trường, tham khảo ý kiến của người có kinh nghiệm (vì kinh nghiệm của một người chỉ có thể phù hợp với bản thân người ấy trong điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của họ), *khả năng xin việc* (thứ bậc 3, 2 và 1), điều này dẫn đến việc chọn nghề không xuất phát từ động cơ phù hợp, đúng đắn với bản thân mà lại xuất phát từ những tác động bên ngoài, gây ra hậu quả nhất định.

2.2. Học lực của HS đối với nghề. Tự đánh giá học lực của bản thân với các nhóm nghề là một trong những yếu tố quan trọng, tạo điều kiện cho HS dự kiến nghề tương lai một cách đúng đắn, không làm cho các em cảm thấy chán nản, ức chế khi tham gia những hoạt động chuyên môn theo sự phân công lao động xã hội. Kết quả khảo sát được thể hiện ở *bảng 4*.

STT	Nhóm nghề	Học lực		
		Giá trị TB (\bar{x})	ĐLC	Thứ bậc
1	Kĩ thuật - công nghệ	2,14	0,24	5
2	Nghiên cứu	2,22	0,52	4
3	Nghệ thuật	2,13	0,69	6
4	Xã hội	2,68	0,48	2
5	Quản trị kinh doanh	2,71	0,53	1
6	Văn phòng	2,42	0,46	3
	Chung	2,39	0,52	

Bảng 4. Tự đánh giá về học lực của HS đối với nghề

Bảng 4 cho thấy, số lượng lớn HS nhận định học lực của mình ít có sự phù hợp với các nhóm nghề, điều này cho thấy các em chưa tự tin và chưa có đủ khả năng để lựa chọn các nhóm nghề theo ý muốn, mình chúng là tự đánh giá về học lực của HS đối với các nhóm nghề ở mức trung bình ($\bar{x} = 2,39$; ĐLC = 0,52). Cụ thể: HS tự thấy học lực của mình phù hợp với nhóm nghề *quản trị kinh doanh* nhất (thứ bậc 1), sự tự tin này của các em cũng phản ánh phần nào tính thời sự của dư luận xã hội tự phát về nghề. Những năm gần đây, HS đổ xô thi vào các trường kinh tế, thương mại hoặc một số các trường khác có các chuyên ngành như kế toán, tài chính, thương mại,... thiên về kinh doanh. Bằng lực học của mình, HS tự thấy mình phù hợp với một số nghề sư phạm, công tác xã hội, sức khỏe cộng đồng, cảnh sát..., do đó nhóm nghề *xã hội* xếp thứ bậc 2. Các nhóm nghề còn lại xếp lần lượt ở thứ bậc 3,4,5,6 là *văn phòng, nghiên cứu, kĩ thuật - công nghệ* và *nghệ thuật*, điều này phản ánh bản thân HS chưa có đầy đủ sức học để theo đuổi các nhóm nghề này.

Bằng kiểm định T-test theo cặp, kết quả cho thấy giữa nam và nữ không có sự khác biệt về sự tự đánh giá học lực ($p > 0,05$); nhưng giữa các khối lớp khác

nhau, các em tự đánh giá học lực với các nhóm nghề là khác nhau ($F = 4,270$; $p = 0,014$).

2.3. Sức khỏe của HS đối với nghề. Sức khỏe là một trong những giá trị mà các nghề yêu cầu đối với người lao động. Kết quả khảo sát về ảnh hưởng của yếu tố này được thể hiện ở *bảng 5*.

STT	Nhóm nghề	Sức khỏe		
		Giá trị TB (\bar{x})	ĐLC	Thứ bậc
1	Kĩ thuật - công nghệ	2,78	0,47	6
2	Nghiên cứu	2,89	0,36	5
3	Nghệ thuật	2,90	0,59	4
4	Xã hội	3,24	0,50	1
5	Quản trị kinh doanh	3,22	0,39	2
6	Văn phòng	3,18	0,44	3
	Chung	3,04	0,65	

Bảng 5 cho thấy, tự đánh giá sức khỏe đối với các nhóm nghề của HS ở mức cao ($\bar{x} = 3,04$; ĐLC = 0,65), qua đó khẳng định HS rất tự tin khi tự đánh giá sức khỏe đối với các nhóm nghề. Cụ thể: đối với nhóm nghề *xã hội*, HS tự đánh giá mình có sức khỏe khá hoặc hoàn toàn đủ sức khỏe để tham gia vào hoạt động ở nhóm nghề này (thứ bậc 1), đây là một dấu hiệu đáng mừng vì các nghề thuộc lĩnh vực xã hội đòi hỏi con người phải linh hoạt, năng động và nhiệt tình cao. HS cũng tự đánh giá mình có sức khỏe ở mức độ cao đối với nhóm nghề *quản trị kinh doanh* (thứ bậc 2), đây cũng là một lĩnh vực nghề đòi hỏi con người phải có sức khỏe tốt vì chúng ta biết rằng 51% của hiệu lực sản phẩm lao động là nhờ vào tầm nhìn và chiến lược đúng đắn của nhà quản trị kinh doanh, đúng như kinh nghiệm dân gian đúc kết "Một người lo bằng một kho người làm". Đối với nhóm nghề *văn phòng*, các em tự đánh giá sức khỏe cũng ở mức cao (thứ bậc 3). Ba nhóm nghề còn lại: *nghệ thuật, kĩ thuật, công nghệ, nghiên cứu* chỉ ở mức trung bình; điều này có thể giải thích như sau: Sơn La là một tỉnh miền núi với nhiều dân tộc ít người nên các nhóm nghề này còn tương đối xa lạ, chính vì thế các em cho rằng sức khỏe của mình đối với các nhóm nghề này chỉ cần ở mức trung bình.

3. Dự báo ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan và khách quan đến ĐHG TN của HS (*bảng 6*)

Bảng 6 cho thấy: Trong các yếu tố chủ quan, yếu tố *động cơ chọn nghề* dự báo có ảnh hưởng quan trọng nhất đến ĐHG TN của HS THPT tỉnh Sơn La; yếu tố *sức khỏe* và đặc biệt là *học lực* không thể hiện

(Xem tiếp trang 57)

- Nếu M trùng với một trong ba đỉnh của tam giác, thì giá trị không đổi h chính là đường cao của tam giác đó.

- Nếu M nằm trên một cạnh của tam giác ABC thì ta thực hiện:

Kẻ $MD \perp AB$; $MK \perp AC$;

$BH \perp AC$ và $ME \perp BH$.

Khi đó: $MK = EH$ và $\triangle MDB = \triangle BEM$

Suy ra $MD = BE$. Do đó:

$h = MD + MK = BE + EH = BH$.

- Từ kết quả có được trong trường hợp riêng trên, chúng ta định hướng được cách giải cho trường hợp tổng quát này bằng cách: Qua M kẻ đường thẳng song song với BC cắt AB, AC tại P và Q. Áp dụng kết quả chứng minh trên ta có: $h = MD + MK + MI = AH + HN = AN$.

3. Qua cách giải quyết các bài toán trên, cần lưu ý mấy điểm sau:

- Đúng trước một vấn đề phải giải quyết, trước hết cần hình dung nội dung của vấn đề càng cụ thể càng tốt. Muốn thế, một phương pháp thường dùng là xét vấn đề đó trong những trường hợp riêng của nó. Đó là lấy cái riêng soi sáng cho cái chung.

- Để giải quyết vấn đề đặt ra, chúng ta cần phân tích nội dung vấn đề đó, biến đổi nó thành những vấn đề khác đơn giản hơn sao cho giải quyết các vấn đề này thì sẽ giải quyết được vấn đề tổng quát đặt ra. Đó tức là vận dụng cái riêng để giải quyết cái chung.

- Không nên được thỏa mãn với lời giải tìm được, mà cần có ý thức thường trực cải tiến lời giải đó. Cần tự đặt ra các câu hỏi: có thể mở rộng lời giải đã tìm được hoặc đề xuất ra bài toán nào tổng quát hơn không? Đồng thời khi đã tìm ra được lời giải tổng quát rồi, cũng nên đặt ra vấn đề: có trường hợp riêng nào lí thú cần nghiên cứu sâu không? Đó chính là đi từ cái chung đến cái riêng và ngược lại. \square

Tài liệu tham khảo

[1] Hoàng Phê (chủ biên) (2001). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng và Trung tâm từ điển ngôn ngữ.

[2] Phan Đức Chính (tổng chủ biên) - Tôn Thân (chủ biên) - Nguyễn Huy Doan - Trương Công Thành - Nguyễn Duy Thuận (2010). *Toán 9* (tập 1). NXB Giáo dục Việt Nam.

[3] Phan Đức Chính (tổng chủ biên) - Tôn Thân (chủ biên) - Vũ Hữu Bình - Trần Đình Châu - Ngô Hữu Dũng - Phạm Gia Đức - Nguyễn Duy Thuận (2004). *Toán 8* (tập 1). NXB Giáo dục.

[4] Nguyễn Bá Kim (chủ biên) - Vũ Dương Thụy (1997). *Phương pháp dạy học môn Toán*. NXB Giáo dục.

[5] Nguyễn Bá Kim (chủ biên) - Bùi Huy Ngọc (2006). *Phương pháp dạy học đại cương môn Toán*. NXB Đại học Sư phạm.

[6] Đào Tam (chủ biên) - Lê Hiến Dương (2008). *Tiếp cận các phương pháp dạy học không truyền thống trong dạy học toán ở trường đại học và trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.

Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ...

(Tiếp theo trang 51)

Bảng 6. Dự báo của các yếu tố độc lập ảnh hưởng đến ĐHG TN của HS THPT tỉnh Sơn La

STT	Các yếu tố độc lập	R ²	p
1	Động cơ chọn nghề	0,094	0,000
2	Học lực	0,002	0,352
3	Sức khỏe	0,010	0,013
4	GDHN của nhà trường	0,211	0,000
5	Thầy cô	0,022	0,000
6	Gia đình (ý kiến anh chị, cha mẹ và những người thân khác trong gia đình)	0,055	0,000
7	Bạn bè	0,108	0,000
8	Dư luận xã hội tự phát về nghề	0,004	0,021
9	Phương tiện truyền thông đại chúng	0,008	0,032
10	Điều kiện biến đổi KT-XH	0,003	0,137
11	Yếu tố đãi ngộ của nhà nước (cử tuyển, học theo hợp đồng...)	0,006	0,124

vai trò của chúng trong ĐHG TN của các em. Còn trong các yếu tố khách quan, yếu tố *giáo dục hướng nghiệp của nhà trường* được dự báo có tác động mạnh

nhất đến ĐHG TN của các em và sau đó lần lượt là yếu tố bạn bè, gia đình, thầy cô; các yếu tố khác như dư luận tự phát về nghề, phương tiện truyền thông đại chúng, điều kiện biến đổi KT-XH, mặt trái của yếu tố đãi ngộ nhà nước không thể hiện rõ vai trò của chúng trong ĐHG TN của các em. Kết quả này một lần nữa cho thấy, GDHN có vai trò dự báo lớn nhất và học lực có vai trò dự báo ít nhất trong ĐHG TN của HS, do đó cần sử dụng tư vấn hướng nghiệp - một nhiệm vụ cơ bản của định hướng nghề - để giúp HS nâng cao được ĐHG TN. \square

Tài liệu tham khảo

[1] Phạm Tất Dong (2001). *Giúp bạn chọn nghề*. NXB Văn hóa thông tin.

[2] Phạm Thị Đức (2001). *Xác định mức độ tác động định hướng của một số giá trị đối với hoạt động ở học sinh trung học phổ thông*. Đề tài cấp Bộ, Mã số B98-49-57. Viện Khoa học Giáo dục.

[3] Nguyễn Văn Hộ - Nguyễn Thị Thanh Huyền (2006). *Hoạt động giáo dục hướng nghiệp và giảng dạy kĩ thuật trong trường trung học phổ thông*. NXB Giáo dục.